

DANH MỤC TÀI SẢN
Đơn vị sử dụng: Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD

Mã đv	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sản	Năm sử	Số lượng	Ghi chú	GC1	Đơn vị sử dụng
I. Tài sản cố định									
010	07M227	Bo lien ket song radio Trim450s	Bo	My	2007	1		3s	BM Đo ảnh viễn thám
010	13M141	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1			BM Đo ảnh viễn thám
010.1	07M226	Bo may thu tin hieu GPS4600	Bo	My	2007	1		3s	PTN Đo ảnh viễn thám
010.1	07M243-245	Điều hòa 2 cục Toshiba	Bo	Nhat	2007	3		3s	PTN Đo ảnh viễn thám
010.1	07M230-231	Kinh lap the	Cai	Nhat	2007	2		3s	PTN Đo ảnh viễn thám
010.1	07M314	May do sau hoi am ch/x cao ODOM	Cai	My	2007	1		3s	PTN Đo ảnh viễn thám
010.1	07M284	Máy in mau kho Ao HP500	Cai	Nhat	2007	1		3s	PTN Đo ảnh viễn thám
010.1	07M242	Máy photocopy kho Ao MITA DP3020	Cai	Nhat	2007	1		3s	PTN Đo ảnh viễn thám
010.1	07M312	May thuy binh dien tu DL101C	Cai	My	2007	1		3s	PTN Đo ảnh viễn thám
010.1	16M050-051	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2016	2			PTN Đo ảnh viễn thám
010.1	07M236-237	May toan dac TC-305	Cai	My	2007	2		3s	PTN Đo ảnh viễn thám
010.1	07M225	Phần mềm đo vẽ ảnh số 3 chiều	Bo	Uc	2007	1		3s	PTN Đo ảnh viễn thám
010.1	07M262	Phần mềm đo vẽ địa vật lý tự động	Bo	My	2007	1		3s	PTN Đo ảnh viễn thám
010.1	07M259-260	Phần mềm hệ thống XL ảnh số SSK	Bo	My	2007	2		3s	PTN Đo ảnh viễn thám
010.1	07M233	Phần mềm hệ thống TT địa lý GIS	Bo	My	2007	1		3s	PTN Đo ảnh viễn thám
010.1	07M261	Phần mềm tang day TGanh so ISAT	Bo	My	2007	1		3s	PTN Đo ảnh viễn thám
010.1	07M232	Phần mềm trạm đo ảnh số SSK	Bo	My	2007	1		3s	PTN Đo ảnh viễn thám
010.1	07M263	Phần mềm tudongtaoanhtrucchieu	Bo	My	2007	1		3s	PTN Đo ảnh viễn thám
010.1	07M224	Phần mềm xl ảnh Photomod	Bo	Nga	2007	1		3s	PTN Đo ảnh viễn thám
010.1	07M234	Phần mềm XL ảnh viễn thám ENVI	Bo	My	2007	1		3s	PTN Đo ảnh viễn thám

010.1	07M235	Trạm định vị vệ tinh GPS4600LS	Bo	My	2007	1		3s	PTN Đo ảnh viễn thám
010.1	07M229	Trạm đo ảnh số Sgi-SiliconZX10	Bo	My	2007	1		3s	PTN Đo ảnh viễn thám
011	13M142	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1			BM Bản đồ
011	14M146	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1			BM Bản đồ
011	14M168	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1			BM Bản đồ
011.1	14M156	Điều hoà Funiki 24.000BTU	Bộ	ĐNA	2014	1			PTN Công nghệ Bản đồ
011.1	14M093	Máy GPS một tần số L1/12 kênh, Trimble R3 (kèm phụ kiện)	Bộ	Mỹ	2014	1			PTN Công nghệ Bản đồ
011.1	14M125	Máy GPS một tần số L1/12 kênh hiệu Trimble R3	Bộ	LD	2014	1			PTN Công nghệ Bản đồ
011.1	18M067	Máy tính G5400	Bộ	ĐNA	2018	1			PTN Công nghệ Bản đồ
012	KT137	Điều hòa 2 cục National	Cai	Nhat	1997	1			Tổ máy trắc địa
012	17M111	Máy chinh chục 3 ống (tumua)	Cái	TQ	2017	1		0	Tổ máy trắc địa
012	18M075	Máy chinh tâm phát	Cái	TQ	2018	1			Tổ máy trắc địa
012	07M207	Máy chinh tan số DS1100CEZ	Cai	HQ	2007	1			Tổ máy trắc địa
012	11DA062-065	Máy định vị vệ tinh Trimble R3	Cai	Mexico	2011	4		CTMT	Tổ máy trắc địa
012	04DA133-137	Máy kinh vĩ quang học 3T5KP	Bo	Nga	2004	5			Tổ máy trắc địa
012	02M233-237	Máy kinh vĩ quang học THEO 020B	cai	Duc	2002	5			Tổ máy trắc địa
012	98M044	Máy kinh vĩ Theo 010B	Cai	Duc	1998	1			Tổ máy trắc địa
012	98M092	Máy kinh vĩ Theo 010B	Cai	Duc	1998	1			Tổ máy trắc địa
012	98M093	Máy kinh vĩ Theo 010B	Cai	Duc	1998	1			Tổ máy trắc địa
012	98M043	Máy kinh vĩ Theo 010B	Cai	Duc	1998	1			Tổ máy trắc địa
012	99M180	Máy kinh vĩ Theo 010B	Cai	Duc	1999	1			Tổ máy trắc địa
012	00M040-045	Máy kinh vĩ Theo 010B	Cai	Duc	2000	6			Tổ máy trắc địa
012	01M173-176	Máy kinh vĩ Theo 020-B	Cai	Duc	2001	4			Tổ máy trắc địa
012	01M252-253	Máy kinh vĩ Theo 20B	Cai	Duc	2001	2			Tổ máy trắc địa
012	99M181	Máy thủy bình Ni 004	Cai	Duc	1999	1			Tổ máy trắc địa
012	00M049-056	Máy thủy bình FG040	Cai	Duc	2000	8			Tổ máy trắc địa
012	01M254-255	Máy thủy bình FG-040	Cai	Duc	2001	2			Tổ máy trắc địa

012	00M046-048	Máy thủy bình Ni004	Cai	Duc	2000	3			Tổ máy trắc địa
012	07M209-211	Máy thủy chuẩn Diên tu Leica	Cai	Thủy sự	2007	3			Tổ máy trắc địa
012	08M358-361	Máy thủy chuẩn NA2 Leica và pk	Bo	TQ	2008	4		CTMT	Tổ máy trắc địa
012	99M027-028	Máy thủy chuẩn Ni 004	Cai	Duc	1999	2			Tổ máy trắc địa
012	15M007	Máy tính G2030 LCD19" HP	Cái	ĐNA	2015	1			Tổ máy trắc địa
012	06DA031	Máy toàn đạc điện tử GTS 336BN	Cai	TQ	2006	1		CTMT	Tổ máy trắc địa
012	09DA018-020	Máy toàn đạc điện tử GTS235N	Bo	Nhat	2009	3		CTMT	Tổ máy trắc địa
012	06DA032	Máy toàn đạc điện tử Leica	Cai	Singapore	2006	1		CTMT	Tổ máy trắc địa
012	06DA030	Máy toàn đạc điện tử NTS662	Bo	TQ	2006	1		CTMT	Tổ máy trắc địa
012	09M061	Máy vi tính DELL	Bo	TQ	2009	1			Tổ máy trắc địa
012	15M133	Tủ nhôm kính đặt máy trắc địa	Cái	VN	2015	1			Tổ máy trắc địa
013	13M303	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1			BM Trắc địa cao cấp
013.1	04DA092	Đầu phát Laser	Cai	Nga	2004	1			PTN Trắc địa cao cấp
013.1	98M110	Điều hòa 2 cục National	Cai	Nhat	1998	1			PTN Trắc địa cao cấp
013.1	04DA095	Hệ gương đồng+ cơ định	Bo	Nga	2004	1			PTN Trắc địa cao cấp
013.1	04DA094	Hệ ray	Bo	Nga	2004	1			PTN Trắc địa cao cấp
013.1	04M066	Máy định vị cầm tay	Bo	My	2004	1			PTN Trắc địa cao cấp
013.1	97M199-200	Máy định vị GPS Trimble 4600L	Cai	My	1997	2			PTN Trắc địa cao cấp
013.1	02M240	Máy định vị GPS Trimble 4600L	cai	My	2002	1			PTN Trắc địa cao cấp
013.1	04DA093	Máy giao thoa	Cai	Nga	2004	1			PTN Trắc địa cao cấp
013.1	04DA096	Phần mềm đo giao thoa	Bo	Nga	2004	1			PTN Trắc địa cao cấp
013.1	94M044	TB kiểm định thước invar 24m	Cai	Nga	1994	1			PTN Trắc địa cao cấp
013.1	99M171	Thiết bị đo nhiệt	Cai		1999	1			PTN Trắc địa cao cấp
013.1	96M122	Thiết bị kiểm định Invar 1m	Bo	Nga	1996	1			PTN Trắc địa cao cấp
014	13M144	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1			BM Trắc địa Mỏ
014	09DA049	Máy chiếu projector Casio XJ-S35	Cai	TQ	2009	1		CTMT	BM Trắc địa Mỏ
014	15M156	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2015	1			BM Trắc địa Mỏ
014	09DA044	Máy tính xách tay Lenovo Thinkpad	Cai	TQ	2009	1		CTMT	BM Trắc địa Mỏ
014.1	09DA048	Máy cho hướng Laser hàm lo	Cai	VN	2009	1		CTMT	PTN Trắc địa Mỏ

014.1	09DA046-047	Máy toạ độ cầm tay Laserdo hamlo	Bo	Thụy Sĩ	2009	2		CTMT	PTN Trắc địa Mỏ
014.1	93M077	Mô hình vật liệu tương đương	Cai	VN	1993	1			PTN Trắc địa Mỏ
014.1	09DA045	Phần mềm lập bản đồ và klg Mô	Bo	VN	2009	1		CTMT	PTN Trắc địa Mỏ
015	00M285	Bài thực tập đa ngành Trắc Địa	Bai	VN	2000	1			VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	13M032	Bộ lưu điện Santak 2KVA	Chiếc	ĐNA	2013	1			VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	17M059	Điều hòa Sumikura 18.000BTU	Chiếc	ĐNA	2017	1	VPK	0	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	17M058	Điều hòa Sumikura 24.000BTU	Chiếc	ĐNA	2017	1	Kho tầng 10	0	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	08M083	Máy chiếu projector panaso,man	Bo	Nhat	2008	1	Khoa đang d	T	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	13M031	Máy chủ IBM System x 3500 M4	Chiếc	ĐNA	2013	1			VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	04TT060-061	Máy định vị GPS tan so đơn	Cai	Nhat	2004	2	TĐCC sùng		VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	14M132	Máy tính G2020 LCD19"	Bộ	ĐNA	2014	1	Máy Thơm		VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	14M188	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1	Hường		VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	16M008	Máy tính G3250 LCD 19" HP (Hà)	Bộ	ĐNA	2016	1	Hà		VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	02M176	Máy tính xách tay 256kB	cai	Nhat	2002	1	Đề NTL 14/6/2017		VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015.1	17DA120	Hệ thống phần mềm đo ảnh Hexagon Geospatial Educational Desktop Core Level 2 (15 seats)	Bộ	Anh	2017	1	Anh Trung (dk		Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ
015.1	17DA124	Máy quét Laser 3D Faro FOCUS 3D X130	Chiếc	Đức	2017	1	Kho tầng 10	dk	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ
015.1	17DA067-068	Máy thủy chuẩn loại 1 Trimble DiNi 0.7	Chiếc	Đức	2017	2	Kho tầng 10	DA Trắc	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ
015.1	17DA073-089	Máy thủy chuẩn loại 3 Topcon AT- B3A/x	Chiếc	TQ	2017	17	Kho tầng 10	DA Trắc	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ
015.1	17DA069-072	Máy thủy chuẩn loại Topcon/Sokkia 2 SDL50	Chiếc	Nhật b	2017	4	Kho tầng 10	DA Trắc	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ
015.1	17DA110-119	Máy tính chuyên dụng phục vụ công tác đo đạc ảnh HP Z240	Bộ	Singap	2017	10	PTN tầng 9	DA Trắc	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ
015.1	17DA090-109	Máy tính phục vụ đào tạo HP Pavilion 570-p0211 (Z8H79AA)	Bộ	TQ	2017	20	PTN tầng 9	DA Trắc	Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ

015.1	17DA122	Máy tính xách tay đồ họa chuyên dụng HP Zbook 17 G3 (M9L94AV)	Bộ	TQ	2017	1	PTN tầng 9	DA Trắc	Khoa TĐ - BD và QLĐĐ
015.1	17DA049-053	Máy toàn đạc điện tử loại 1 Trimble M1	Chiếc	Nhật b	2017	5	Kho tầng 10	DA Trắc	Khoa TĐ - BD và QLĐĐ
015.1	17DA054-062	Máy toàn đạc điện tử loại 2 Sokkia CX-55/SG	Chiếc	Nhật b	2017	9	Kho tầng 10	DA Trắc	Khoa TĐ - BD và QLĐĐ
015.1	17DA063-066	Máy toàn đạc điện tử loại 3 Leica TS06 plus-5' R500	Chiếc	Singap	2017	4	Kho tầng 10	DA Trắc	Khoa TĐ - BD và QLĐĐ
015.1	17DA123	Máy trạm workstation để xử lý dữ liệu trong phòng HP Z240 (L8T12AV)	Bộ	Singap	2017	1	PTN tầng 9	DA Trắc	Khoa TĐ - BD và QLĐĐ
015.1	17DA121	UAV loại cất cánh thẳng Trimble ZX5	Bộ	Đức	2017	1	Kho tầng 10	dk	Khoa TĐ - BD và QLĐĐ
016	02M058	Điều hòa tủ LG-44000BTU	Cai	VN	2002	1			BM Trắc địa công trình
016	13M304	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1			BM Trắc địa công trình
016.1	14M153	Điều hoà Funiki 24.000BTU	Bộ	ĐNA	2014	1			PTN Trắc địa công trình
016.1	98M095	Máy chiếu đứng	Cai	Thuy s	1998	1			PTN Trắc địa công trình
016.1	05DA354	Máy định vị GPS R3	Bo	My	2005	3			PTN Trắc địa công trình
016.1	98M094	Máy đo dai	Cai	Thuy sy	1998	1			PTN Trắc địa công trình
016.1	11DA067	Máy đo sau hoi am 1tanso ODOM	Cai	My	2011	1		CTMT	PTN Trắc địa công trình
016.1	11DA066	Máy dvivetinhDGPSTRIMBLESPS531	Cai	My	2011	1		CTMT	PTN Trắc địa công trình
016.1	05DA355	Máy thủy chuẩn DIN12	Bo	My	2005	1			PTN Trắc địa công trình
016.1	14M191	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1			PTN Trắc địa công trình
016.1	15M186	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2015	1			PTN Trắc địa công trình
016.1	05DA356	Máy tính xách tay Dell-T.Phuc	Cai	Malaixi	2005	1			PTN Trắc địa công trình
016.1	02DA241	Máy toàn đạc điện tử TCR705	cai	Thuy s	2002	1			PTN Trắc địa công trình

017	13M143	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1			BM Trắc địa phổ thông
017	02M264	Máy vi tính Acer Mo 15"	Bo	DNA	2002	1		xtl	BM Trắc địa phổ thông
017	05M145	Máy vi tính P4 15"	Bo	DNA	2005	1			BM Trắc địa phổ thông
017.1	99M173	Bai thuc tap TDPT	Bai	VN	1999	1			PTN Bản đồ số địa hình
017.1	96M166	Ban so hoa Calcom A1	Cai	My	1996	1		xtl	PTN Bản đồ số địa hình
017.1	08M087	Bộ giải pháp Phần mềm ArcGis 2	Bo	My	2008	1			PTN Bản đồ số địa hình
017.1	08M086	Bộ giải pháp Phần mềm ArcGis1	Bo	My	2008	1			PTN Bản đồ số địa hình
017.1	97M147	Chan ban so hoa	Cai	My	1997	1		xtl	PTN Bản đồ số địa hình
017.1	08M092	Máy chiếu projectorSonyVPLCX12	Bo	TQ	2008	1			PTN Bản đồ số địa hình
017.1	08M089	Máy chủ IBM X3650	Bo	TQ	2008	1			PTN Bản đồ số địa hình
017.1	07DA191	Máy định vị Trimble R7	Bo	My	2007	1		dk	PTN Bản đồ số địa hình
017.1	07DA194	Máy GPS cam tay	Cai	Mexico	2007	1			PTN Bản đồ số địa hình
017.1	08M091	Máy in màu kho Ao HP D500C7770	Cai	TQ	2008	1			PTN Bản đồ số địa hình
017.1	08M095	Máy thủy bình sơ DL101C	Bo	Nhat	2008	1			PTN Bản đồ số địa hình
017.1	07DA193	Máy tính xách tay Dell	Cai	Malaixi	2007	1			PTN Bản đồ số địa hình
017.1	07DA195	Máy tính xách tay HP Compaq	Cai	Singapo	2007	1			PTN Bản đồ số địa hình
017.1	07DA204	Máy tính xách tay HP Compaq	Cai	Singapo	2007	1			PTN Bản đồ số địa hình
017.1	08M090	Máy tính xách tay ThinkpadT400	Cai	TQ	2008	1			PTN Bản đồ số địa hình
017.1	08M096	Máy toán đặc diện tu GPT 7502	Bo	Nhat	2008	1			PTN Bản đồ số địa hình
017.1	07DA192	Máy toán đặc diện tu TrimbleS6	Bo	My-Du	2007	1			PTN Bản đồ số địa hình
017.1	07DA199-203	Máy vi tính chuyên dụng	Bo	DNA	2007	5			PTN Bản đồ số địa hình
017.1	08M093	On ap Lioa 20KVA	Cai	VN	2008	1			PTN Bản đồ số địa hình
017.1	07DA196	Phần mềm thành lập bản đồ	Bo	VN	2007	1			PTN Bản đồ số địa hình
017.1	08M088	Phần mềm Web-Gis IM9.2	Bo	My	2008	1			PTN Bản đồ số địa hình
017.1	07DA197	Thiết bị mạng	Bo	TQ	2007	1			PTN Bản đồ số địa hình
018	95M079	Điều hòa 2 cục 1 chiều Nationa	Cai	Nhat	1995	1			BM Địa chính
018	15M105	Điều hòa Funiki 18.000BTU	Cái	VN	2015	1			BM Địa chính
018	13M140	Máy chiếu đa năng Optoma S2215	Chiếc	ĐNA	2013	1			BM Địa chính

018	02DA249	Máy in mau kho Ao	cai	Singap	2002	1			BM Địa chính
018	99M182	Máy quét GT12000+CD write	Cai		1999	1			BM Địa chính
018	15M182	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2015	1			BM Địa chính
018	09M010	Máy vi tính DELL	Bo	TQ	2009	1		dv72	BM Địa chính
018.1	14M105	Bộ máy định vị vệ tinh R4 GNSS	Bộ	Mỹ	2014	1			PTN Công nghệ Địa chính
018.1	14M129	Bộ máy định vị vệ tinh R4 GNSS	Bộ	Mỹ	2014	1			PTN Công nghệ Địa chính
018.1	14M141	Bộ máy định vị vệ tinh R4 GNSS	Bộ	Mỹ	2014	1			PTN Công nghệ Địa chính
018.1	14M152	Điều hoà Funiki 24.000BTU	Bộ	ĐNA	2014	1			PTN Công nghệ Địa chính
018.1	14M189	Máy tính G2030 LCD19" HP	Bộ	ĐNA	2014	1			PTN Công nghệ Địa chính
018.1	02M196	Máy toan đặc diện tu GTS-229	cai	Nhat	2002	1			PTN Công nghệ Địa chính
II. Công cụ lao động nhỏ									#N/A
010	17C350-353	Bàn 1,2m HP	Cái	VN	2017	4			BM Đo ảnh viễn thám
010	08C196	Bàn làm việc	Cai	VN	2008	1			BM Đo ảnh viễn thám
010	08C485	Bàn làm việc	Cai	VN	2008	1			BM Đo ảnh viễn thám
010	15C298-303	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	6			BM Đo ảnh viễn thám
010	10BS003	Bàn vi tính foc	Cai	VN		1			BM Đo ảnh viễn thám
010	07M228	Bo acquy 6AH	Bo	Nhat	2007	1		3s	BM Đo ảnh viễn thám
010	08C089-102	Bo lưu dữ liệu ảnh số HNoi	Bo	VN	2008	1			BM Đo ảnh viễn thám
010	10C654-663	Ghế gấp			2010	10			BM Đo ảnh viễn thám
010	15C791-796	Ghế gấp	Cái	VN	2015	6			BM Đo ảnh viễn thám
010	12C128-137	Ghế gấp	Cái	VN	2012	10			BM Đo ảnh viễn thám
010	10BS014	Ghế tựa go				5			BM Đo ảnh viễn thám
010	10BS013	Ghế tựa xoay	Cai			1			BM Đo ảnh viễn thám
010	08C459	Tu sat 2 cạnh	Cai	VN	2008	1			BM Đo ảnh viễn thám
010	08C195	Tu sat 8 cạnh	Cai	VN	2008	1			BM Đo ảnh viễn thám
010	08C470	Tu sat 8 cạnh	Cai	VN	2008	1			BM Đo ảnh viễn thám
010	09C316	Tu sat 8 cạnh	Cai	VN	2009	1			BM Đo ảnh viễn thám
010	03G058	Tu sat cạnh kính cao 2met	cai	Vn	2003	1			BM Đo ảnh viễn thám
010	03G035	Tu sat cao 2met	cai	VN	2003	2			BM Đo ảnh viễn thám
010.1	07M348	Bàn làm việc cơ trung	Cai	VN	2007	1		3s	PTN Đo ảnh viễn thám
010.1	12C651-660	Bình đồ ảnh	T	VN	2012	10			PTN Đo ảnh viễn thám
010.1	10101-10138	Kính lúp	Cai	Duc	1968	25			PTN Đo ảnh viễn thám

010.1	12C647-650	Màn hình CRT Dell 17"	Chiếc	VN	2012	4			PTN Đo ảnh viễn thám
010.1	07M315-316	Máy đo sau cam tay PS7-FL	Cai	My	2007	2		3s	PTN Đo ảnh viễn thám
010.1	92M030	Máy đo vẽ ảnh toạ độ 18x18	Cai	Nga	1992	1			PTN Đo ảnh viễn thám
010.1	07M306	On áp Lioa 20KVA	Cai	VN	2007	1		3s	PTN Đo ảnh viễn thám
010.1	07M307	On áp Lioa 20KVA	Cai	VN	2007	1		3s	PTN Đo ảnh viễn thám
010.1	10BS001	Tủ sắt cạnh kính	Cai	VN		1			PTN Đo ảnh viễn thám
011	14C986	Bàn họp	Cái	VN	2014	1			BM Bản đồ
011	08C149	Bàn họp 2,4m	Cai	VN	2008	1			BM Bản đồ
011	15C070	Bàn họp 2,4m	Cái	VN	2015	1			BM Bản đồ
011	14C981-983	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	3			BM Bản đồ
011	14C1201-1203	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	3			BM Bản đồ
011	15C071-076	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	6			BM Bản đồ
011	03G021	Bàn vi tính fooc	cai	VN	2003	2			BM Bản đồ
011	15C894	Bảng HQ trắng 1250x3040	Cái	HQ	2015	1			BM Bản đồ
011	08C150-155	Ghế gấp	Cai	VN	2008	6			BM Bản đồ
011	14C1191-1200	Ghế gấp	Cái	VN	2014	10			BM Bản đồ
011	14C1019-1033	Ghế gấp	Cái	VN	2014	15			BM Bản đồ
011	03G066	Ghế tua Xuan Hoa gấp	cai	VN	2003	10			BM Bản đồ
011	05BS005	Ghế xoay	Cai			1			BM Bản đồ
011	15C078	Ghế xoay	Cái	VN	2015	1			BM Bản đồ
011	14C1256-1257	Ghế xoay	Cái	VN	2014	2			BM Bản đồ
011	14M169	Máy in Canon LBP6200D	Cái	ĐNA	2014	1			BM Bản đồ
011	15M201	Máy in đa năng Canon MF211	Cái	ĐNA	2015	1			BM Bản đồ
011	09C020	Máy in Laser Canon 1210	Cai	TQ	2009	1			BM Bản đồ
011	16M189	Máy in màu Cannon Pixma IX6770	Chiếc	Thái L	2016	1			BM Bản đồ
011	02M013	Máy Scan HP4400 A4	cai	DNA	2002	1			BM Bản đồ
011	08M150	Máy vi tính 17"	Bo	DNA	2008	1		CTMT	BM Bản đồ
011	01M074	On áp Lioa	Cai	VN	2001	1			BM Bản đồ
011	15C077	Tủ kính	Cái	VN	2015	1			BM Bản đồ
011	14C993	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	1			BM Bản đồ
011	04G025	Tủ sắt 6 ngăn	Cai	VN	2004	1			BM Bản đồ

011	10C498	Tu sat 8 canh			2010	1			BM Bản đồ
011	14C994-995	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2014	2			BM Bản đồ
011	11C216	Tu sat 8 ngan	Cai	VN	2011	1			BM Bản đồ
011	02G010	Tu sat canh mo	cai	VN	2002	1			BM Bản đồ
011.1	03C222-252	Ban do hanh chinh cac tinh Ao	To	VN	2003	31			PTN Công nghệ Bản đồ
011.1	01G013	Ghe dau go	cai	VN	2001	30			PTN Công nghệ Bản đồ
011.1	00M132	May anh Olympus	Cai	Nhat	2000	1			PTN Công nghệ Bản đồ
011.1	565	May chup anh MTL-50	Cai	Duc	1990	1			PTN Công nghệ Bản đồ
011.1	14M126	Máy định vị vệ tinh GPS Map 62	Bộ	Mỹ	2014	1			PTN Công nghệ Bản đồ
011.1	18M068	Máy in đa năng Canon MF241D	Chiếc	ĐNA	2018	1			PTN Công nghệ Bản đồ
011.1	03G037	Tu sat cao 2met	cai	VN	2003	1			PTN Công nghệ Bản đồ
012	08C347	Ban chinh may may kinh vi	Cai	VN	2008	1			Tổ máy trắc địa
012	15C006	Bàn họp 2,4m	Cái	VN	2015	1			Tổ máy trắc địa
012	15C439	Bàn họp 2,4m	Cái	VN	2015	1			Tổ máy trắc địa
012	15C408-409	Bàn làm việc	Cái	VN	2015	2			Tổ máy trắc địa
012	15C035	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	1			Tổ máy trắc địa
012	15C120	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2015	1			Tổ máy trắc địa
012	05G027	Ban sua chua may	Cai	VN	2005	1			Tổ máy trắc địa
012	04G020	Ban vi tinh	Cai	Vn	2004	2			Tổ máy trắc địa
012	01C063	Bo dung cu sua may trac dia	bo	VN	2001	1			Tổ máy trắc địa
012	12C310-313	Cáp trút số liệu	Cái		2012	4			Tổ máy trắc địa
012	10C801-805	Chan may kinh vi go Nga	Cai	Nga	2010	5			Tổ máy trắc địa
012	10C796-800	Chan may kinh vi go TQ	Cai	TQ	2010	5			Tổ máy trắc địa
012	09C375-384	Chan may thuy binh	Cai	TQ	2009	10			Tổ máy trắc địa
012	08C276-286	Chan may thuy chuan	Cai	TQ	2008	10			Tổ máy trắc địa
012	15M086	Điều hòa Funiki 12.000BTU	Cái	VN	2015	1			Tổ máy trắc địa
012	02C028	Dieu khien dieu hoa	cai	LD	2002	1			Tổ máy trắc địa
012	08C526-535	Ghe gap	Cai	VN	2008	10			Tổ máy trắc địa
012	15C427-438	Ghế gấp	Cái	VN	2015	12			Tổ máy trắc địa
012	08C800	Gia sat	Cai	VN	2008	1			Tổ máy trắc địa
012	07C081-096	Hom may 3T3K	Cai	TQ	2007	15			Tổ máy trắc địa
012	08C318-323	Hom may 3T5K bang go	Cai	TQ	2008	15			Tổ máy trắc địa

012	07C073-080	Hòm máy Ni004	Cai	TQ	2007	8			Tổ máy trắc địa
012	03C140	Khoan dien cam tay	Cai	Duc	2003	1			Tổ máy trắc địa
012	13M129-130	Máy hút ẩm Aikyo	Bộ	ĐNA	2013	2			Tổ máy trắc địa
012	5763B2	May hut bui	Cai	Nga	1991	1			Tổ máy trắc địa
012	16M224	Máy in đa năng Canon MF221D	Chiếc	ĐNA	2016	1			Tổ máy trắc địa
012	09C021	May in Laser Canon 1210	Cai	TQ	2009	1			Tổ máy trắc địa
012	98M111	May kinh vi 3T5KP	Cai	Nga	1998	1			Tổ máy trắc địa
012	98M112	May kinh vi 3T5KP	Cai	Nga	1998	1			Tổ máy trắc địa
012	97M178-189	May kinh vi 3T5-KP	Cai	Nga	1997	12			Tổ máy trắc địa
012	95M180-182	May Kinh vi Theo 020B	Cai		1995	3		Cty	Tổ máy trắc địa
012	10C816	May mai kim loại	Cai	TQ	2010	1			Tổ máy trắc địa
012	3800a1	May thuy binh Ni 004	Cai	Duc	1991	1			Tổ máy trắc địa
012	3815	May thuy binh Ni 007	Cai	Duc	1971	1			Tổ máy trắc địa
012	04DA097-101	May thuy chuan FG040	Bo	Duc	2004	5			Tổ máy trắc địa
012	06C026-030	May thuy chuan+ chan	Bo	TQ	2006	5			Tổ máy trắc địa
012	08C287-317	Mia go thuy chuan	Cai	TQ	2008	30			Tổ máy trắc địa
012	12C303-309	Mia thủy chuẩn gỗ 3m 2 mặt số	Cặp		2012	7			Tổ máy trắc địa
012	09C400-409	O che may	Cai	TQ	2009	10			Tổ máy trắc địa
012	10C806-815	O che may	Cai	VN	2010	10			Tổ máy trắc địa
012	00M247	On ap Lioa	Cai	VN	2000	1			Tổ máy trắc địa
012	01M048-049	Quat cay Vinawind	Cai	VN	2001	2			Tổ máy trắc địa
012	13C368-371	Quạt trần		VN	2013	4			Tổ máy trắc địa
012	15C382-383	Quạt treo tường Điện cơ Thông nhất	Cái	VN	2015	2			Tổ máy trắc địa
012	12C314-315	Sào gương, túi sào gương, ống thủy,	Bộ		2012	2			Tổ máy trắc địa
012	07C097-101	Thuoc thep	Cai	TQ	2007	4			Tổ máy trắc địa
012	00G029	Tu de may khung nhôm	Cai	VN	2000	2			Tổ máy trắc địa
012	04G051	Tu dung dung cu thi nghiem	Cai	VN	2004	1			Tổ máy trắc địa
012	15C121-122	Tủ kính	Cái	VN	2015	2			Tổ máy trắc địa
012	04G038	Tu sat	Cai	VN	2004	1			Tổ máy trắc địa
012	14C639-640	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	2			Tổ máy trắc địa
012	15C007-009	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2015	3			Tổ máy trắc địa
012	08C192	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1			Tổ máy trắc địa

012	08C475	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1			Tổ máy trắc địa
012	14C644-645	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2014	2			Tổ máy trắc địa
012	05G017	Tu sat nhieu ngan	Cai	VN	2005	1			Tổ máy trắc địa
013	09C256	Ban hop to 2,4m	Cai	VN	2009	1			BM Trắc địa cao cấp
013	04C188-189	Cap cap diem ngoai cho may GTS	Bo	Nhat	2004	2			BM Trắc địa cao cấp
013	08C719-723	Ghe gap	Cai	VN	2008	5			BM Trắc địa cao cấp
013	09C044-053	Ghe gap	Cai	VN	2009	10			BM Trắc địa cao cấp
013	09TT002-003	May dinhvi GPS2tangTopconGP100	Bo	Nhat	2004	2			BM Trắc địa cao cấp
013	05M121	Máy in Laser HP1160	Cai	DNA	2005	1			BM Trắc địa cao cấp
013	09BS001	May tinh xayIBMkemmayGPS4600	Cai	My	1997	1		xtl	BM Trắc địa cao cấp
013	02M084	May va duong day dien thoai	Bo	VN	2002	1			BM Trắc địa cao cấp
013	20M227	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2000	1			BM Trắc địa cao cấp
013	04C190-192	Pin cap dien ngoai cho may GTS	Bo	Nhat	2004	3			BM Trắc địa cao cấp
013	99G032	Tu ho so go	Cai	VN	1999	1			BM Trắc địa cao cấp
013	03G036	Tu sat cao 2met	cai	VN	2003	1			BM Trắc địa cao cấp
013.1	17C050-069	Bàn ghế học sinh	Bộ	VN	2017	20			PTN Trắc địa cao cấp
013.1	02C023-026	Gia sat de thiet bi kiem dinh	cai	VN	2002	4			PTN Trắc địa cao cấp
013.1	01M187	May do sau hoi am	Cai	Nhat	2001	1			PTN Trắc địa cao cấp
013.1	95M115	Nguồn on ap	Bo	VN	1995	1			PTN Trắc địa cao cấp
013.1	92M006	Thuoc Inva	Bo	Nga	1992	1			PTN Trắc địa cao cấp
013.1	95M121	Tu sat	Cai	VN	1995	1			PTN Trắc địa cao cấp
013.1	08C177	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2008	1			PTN Trắc địa cao cấp
013.1	07G036	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1			PTN Trắc địa cao cấp
013.1	07G160	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1			PTN Trắc địa cao cấp
014	14C944-949	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	6			BM Trắc địa Mỏ
014	12C482	Bàn làm việc 1,4m	Cái	VN	2012	1			BM Trắc địa Mỏ
014	08C703-707	Ghe gap	Cai	VN	2008	5			BM Trắc địa Mỏ
014	10C595-604	Ghe gap			2010	10			BM Trắc địa Mỏ
014	07C129	Man chieu TRIPODDALITE	Cai	Nhat	2007	1			BM Trắc địa Mỏ
014	15M169	Máy in đa năng Canon MF211	Bộ	ĐNA	2015	1			BM Trắc địa Mỏ
014	06C054	May quet scan Geniusvivid	Cai	DNA	2006	1			BM Trắc địa Mỏ
014	01M004	May va duong day dien thoai	Cai	VN	2001	1			BM Trắc địa Mỏ

014	08C685	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2008	1			BM Trắc địa Mỏ
014	14C935	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2014	1			BM Trắc địa Mỏ
014	10C924	Tu sat 2 canh kính	Cai	VN	2010	1			BM Trắc địa Mỏ
014	14C936	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	1			BM Trắc địa Mỏ
014	08C469	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1			BM Trắc địa Mỏ
014	10C502	Tu sat 8 canh			2010	1			BM Trắc địa Mỏ
014	12C495	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2012	1			BM Trắc địa Mỏ
014.1	13C940-949	Ghế gấp	Cái	VN	2013	10			PTN Trắc địa Mỏ
014.1	20M232	On ap Lioa	Cai	VN	2000	1			PTN Trắc địa Mỏ
014.1	05BS005-006	Quat tran	Cai			2			PTN Trắc địa Mỏ
014.1	07C130-133	Thuoc thep 50m	Cai	Nhat	2007	4			PTN Trắc địa Mỏ
014.1	95G056	Tu dung cao 2m	Cai	VN	1995	1			PTN Trắc địa Mỏ
015	13C182	Bàn họp	Cái	VN	2013	1			VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	07G042B	Ban hop 2,4m	Cai	VN	2007	1	ĐNTL14/6/2017 1 cái		VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	09C257	Ban hop to 2,4m	Cai	VN	2009	1	BM TĐPT đang dùng		VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	08C179-180	Ban lam viec	Cai	VN	2008	2			VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	05BS002	Ban lam viec fooc	Cai			1			VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	00G056	Ban lam viec fooc	Cai	VN	2000	3	ĐNTL9/6/2017 1 CÁ		VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	05BS004	Ban lam viec go	Cai			1	KTRA BÊN KHO		VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	20G051BS	Ban lam viec Ovan	Cai	VN	2000	1	BM TDPT		VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	01C003	Ban lam viec TP 1,6m	Cai	VN	2010	1			VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	07G132	Ban vi tinh	Cai	VN	2007	1			VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	08C181	Ban vi tinh	Cai	VN	2008	1			VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	08C497	Ban vi tinh	Cai	VN	2008	1			VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	05BS003	Ban vi tinh fooc	Cai			1			VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	06G024-8A,9A	Bang fooc	Cai	VN	2006	2	ĐNTL9/6/2017 1 CÁ		VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	14M022	Bộ salon gỗ	Bộ	VN	2014	1	Phòng Trườn	dv81-dv7	VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	15C689	Điện thoại KXTSC11	Cái	ĐNA	2015	1	VPK		VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	98M031	Duong day dien thoai	Bo	VN	1998	1	VPK		VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	01C011	Ghe da TP	Cai	VN	2010	1	Phòng họp		VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	07G042C	Ghe gap	Cai	VN	2007	1			VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	07G230-234	Ghe gap	Cai	VN	2007	5			VPK TĐ-BĐ và QL đất đai

015	08C516-525	Ghe gap	Cai	VN	2008	10			VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	09C054-063	Ghe gap	Cai	VN	2009	10			VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	10C664-673	Ghe gap			2010	10			VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	12C704-713	Ghế gấp	Cái	VN	2012	10			VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	20G054C	Ghe xoay	Cai			1	ĐNTL14/6/2017 1 cái		VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	07G235	Ghe xoay	Cai	VN	2007	1			VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	20G054	Ghe xoay	Cai	VN	2000	2			VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	15C786-788	Ghế xoay	Cái	VN	2015	3			VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	20G055	Ghe xuan hoa	Cai	VN	2000	30			VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	06G024-5C	Gia sach sat to	Cai	VN	2006	1	Kho tầng 10		VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	00M013	Man chieu 3 chan	Cai	Halan	2000	1	Phòng Hợp		VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	09C011	Man chieu 3 chan Herin	Cai	DNA	2009	1	Phòng Hợp		VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	98M076	May chieu HP-A11	Cai	TQ	1998	1	VPK		VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	09BS001	May chieu Panasonic PT-LC55E	Cai	Nhat	2002	1	TRẢ LẠI Ptlro		VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	03M135	Máy chủ vi tính DTC	Bo	VN	2003	1	PTN tầng 9		VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	10M037	Máy in Cannon MF4320D	Cai	TQ	2010	1	MÁY PHO TO VPK		VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	03M130	Máy in da nang C70 Canon	Cai	Nhat	2003	1	Phòng TN tầng 9		VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	09C022	May in Laser Canon 1210	Cai	TQ	2009	1	Hà và Hường		VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	06M021	May in Laser HP1160	Cai	DNA	2006	1	Máy chị Thom		VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	06C053	May quet scan Genius Vivid1200	Cai	DNA	2006	1	VPK(Hà dùng)		VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	20M229	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2000	1	Trạm cord thầy Khải		VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	00M204	Quat cay dien co VINAWIND	Cai	VN	2000	1	PTN tầng 9 thầy Hòa		VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	13C328-	Quạt cây vinawind	Chiếc	VN	2014	1	Hà dùng		VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	15C127-128	Tủ sắt	Cái	VN	2015	2			VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	08C178	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2008	1			VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	12C671	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2012	1			VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	13C124	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2013	1			VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	13C119-121	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2013	3	Phòng Hợp +VPK3		VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	14C583-584	Tủ sắt 2 cánh kính	cái	VN	2014	2	P. Thầy Dương 2		VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	10C495	Tu sat canh kinh			2010	1	BM TĐCC dùng PTN		VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	00G042	Tu sat canh kinh	Cai	VN	2000	1	BMTĐCT sd PTN B		VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	00G041	Tu sat cao 2 m	Cai	VN	2000	2	BM TĐPT đang dùng		VPK TĐ-BĐ và QL đất đai

015	07G014C	Tu sat kinh	Cai	VN	2007	1			VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	09C310	Tu sat kinh	Cai	VN	2009	1			VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	07G014B	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1			VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015	07G042A	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1			VPK TĐ-BĐ và QL đất đai
015.1	14C649-653	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	5	3; Thầy Hòa lấy 2		Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ
015.1	18M028	Điều hòa Sumikura 9.000BTU	chiếc	ĐNA	2018	1	T2-nhà B		Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ
015.1	14C666-675	Ghế gấp	Cái	VN	2014	10	n cord thầy Khải		Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ
015.1	18M016	Máy in đa năng Canon MF241D	chiếc	HQ	2018	1	PTN tầng 9		Khoa TĐ - BĐ và QLĐĐ
016	14C985	Bàn họp	Cái	VN	2014	1			BM Trắc địa công trình
016	07G115-116	Ban lam viec	Cai	VN	2007	2			BM Trắc địa công trình
016	14C597-598	Bàn làm việc 1,2 m	cái	VN	2014	2			BM Trắc địa công trình
016	14C980	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	1			BM Trắc địa công trình
016	04G019	Ban vi tinh	Cai	VN	2004	1			BM Trắc địa công trình
016	15C895	Bảng HQ trắng 1250x3040	Cái	HQ	2015	1			BM Trắc địa công trình
016	07G216	Ghe gap	Cai	VN	2007	1			BM Trắc địa công trình
016	07G117-121	Ghe gap	Cai	VN	2007	4			BM Trắc địa công trình
016	07G041-045A	Ghe gap	Cai	VN	2007	5			BM Trắc địa công trình
016	10C674-678	Ghe gap			2010	5			BM Trắc địa công trình
016	14C632-633	Ghế gấp	cái	VN	2014	2			BM Trắc địa công trình
016	14C1001-1012	Ghế gấp	Cái	VN	2014	12			BM Trắc địa công trình
016	07G125	Ghe xoay	Cai	VN	2007	1			BM Trắc địa công trình
016	08C104	May in Canon 1210	Cai	DNA	2008	1			BM Trắc địa công trình
016	01M008	May va duong day dien thoai	Cai	VN	2001	1			BM Trắc địa công trình
016	00M246	On ap Lioa 2KVA	Cai	VN	2000	1			BM Trắc địa công trình
016	14C581-582	Tủ sắt 2 cánh kính	cái	VN	2014	2			BM Trắc địa công trình
016	14C989-990	Tủ sắt 2 cánh kính	Cái	VN	2014	2			BM Trắc địa công trình
016	10C501	Tu sat 8 canh			2010	1			BM Trắc địa công trình
016	12C584	Tủ sắt 8 cánh	Cái	VN	2012	1			BM Trắc địa công trình
016	10C490	Tu sat canh kinh			2010	1			BM Trắc địa công trình
016.1	07C124-127	Gia guong 3 chan	Cai	Thuy sy	2007	4			PTN Trắc địa công trình
016.1	07C120-121	Guong don Leica	Cai	Thuy sy	2007	2			PTN Trắc địa công trình
016.1	05M127-128	Guong don MPU5A	Cai	Nhat	2005	2			PTN Trắc địa công trình

016.1	92C59	Hom xi nhan	hom	Nga	1992	1			PTN Trắc địa công trình
016.1	92M066	Hom xi nhan don	Cai	Duc	1992	1			PTN Trắc địa công trình
016.1	94M048	May chieu dung PZL-100	Cai	Duc	1994	1			PTN Trắc địa công trình
016.1	04M050	May do sau PS-7FL	Cai	Nhat	2004	1			PTN Trắc địa công trình
016.1	92M064	May kinh vi Theo 010	Cai	Duc	1992	1			PTN Trắc địa công trình
016.1	92M089	May thuy chuan-thuy tinh	Cai	Nga	1992	1			PTN Trắc địa công trình
016.1	92M065	Mia Inva	Cai	Duc	1992	1			PTN Trắc địa công trình
016.1	07C122-123	Sao guong don	Cai	Thuy sy	2007	2			PTN Trắc địa công trình
016.1	92M090	Thuoc Gionevo	Cai	Nga	1992	1			PTN Trắc địa công trình
016.1	04M050B	Thuoc thep 50m	Cai	Nhat	2004	1			PTN Trắc địa công trình
016.1	94G039	Tu dung cao 2m	Cai	VN	1994	1			PTN Trắc địa công trình
016.1	94G39B	Tu dung cao 2m	Cai	VN	1994	2			PTN Trắc địa công trình
016.1	11C217	Tu sat 8 ngan	Cai	VN	2011	1			PTN Trắc địa công trình
016.1	01G023	Tu sat dung tai lieu	Cai	VN	2001	1			PTN Trắc địa công trình
017	08C484	Ban lam viec	Cai	VN	2008	1			BM Trắc địa phổ thông
017	03BS004-005	Ban lam viec 1 thung go dan	Cai	VN	2000	2			BM Trắc địa phổ thông
017	14C657-658	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2014	2			BM Trắc địa phổ thông
017	03BS003	Ban lam viec fooc	Cai			1			BM Trắc địa phổ thông
017	08C212	Ban vi tinh	Cai	VN	2008	1			BM Trắc địa phổ thông
017	17BS007	Ban vi tinh	Cai			2			BM Trắc địa phổ thông
017	03G020-021	Ban vi tinh fooc	cai	VN	2003	2			BM Trắc địa phổ thông
017	02M083A	Duong day dien thoai	Cai	VN	2002	1			BM Trắc địa phổ thông
017	10C749-753	Ghe gap			2010	5			BM Trắc địa phổ thông
017	09C064-073	Ghe gap	Cai	VN	2009	10			BM Trắc địa phổ thông
017	12C714-723	Ghế gấp	Cái	VN	2012	10			BM Trắc địa phổ thông
017	17BS004-006	Ghe tua go	Cai	VN		3		otl	BM Trắc địa phổ thông
017	03BS009	Ghe tua go	Cai	VN	2000	10			BM Trắc địa phổ thông
017	02M083B	May dien thoai	Cai	VN	2002	1			BM Trắc địa phổ thông
017	15M188	Máy in đa năng Canon MF211	Cái	ĐNA	2015	1			BM Trắc địa phổ thông
017	03DA154	Máy in Laser HP1300	Cai	DNA	2003	1			BM Trắc địa phổ thông
017	08M153	Máy vi tính 17"	Bo	DNA	2008	1		CTMT	BM Trắc địa phổ thông
017	94G042	Tu dung cao 2m	Cai	VN	1994	1		dv52	BM Trắc địa phổ thông

017	12C672	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2012	1			BM Trắc địa phổ thông
017	04G024	Tu sat 6 ngan	Cai	VN	2004	1			BM Trắc địa phổ thông
017	03G059	Tu sat canh kinh cao 2met	cai	VN	2003	1			BM Trắc địa phổ thông
017	08M076	Tủ thiết bị văn phòng	Cai	VN	2008	1			BM Trắc địa phổ thông
017.1	07G169-170	Ban lam viec	Cai	VN	2007	2			PTN Bản đồ số địa hình
017.1	07G084-085	Ban vi tinh	Cai	VN	2007	2			PTN Bản đồ số địa hình
017.1	07G171-173	Ban vi tinh	Cai	VN	2007	3			PTN Bản đồ số địa hình
017.1	07G099	Bang fooc	Cai	VN	2007	1			PTN Bản đồ số địa hình
017.1	08M094	Bo luu dien UPS Santak 1KV	Cai	TQ	2008	1			PTN Bản đồ số địa hình
017.1	07G086-096	Ghe gap	Cai	VN	2007	10			PTN Bản đồ số địa hình
017.1	07G097-098	Ghe xoay	Cai	VN	2007	2			PTN Bản đồ số địa hình
017.1	07DA198	Máy ảnh kỹ thuật số Canon	Cai	TQ	2007	1			PTN Bản đồ số địa hình
017.1	06C055	Máy quét scan Geniusvivid1200	Cai	DNA	2006	1			PTN Bản đồ số địa hình
017.1	05BS006	Quat tran	Cai	VN		1		dv52	PTN Bản đồ số địa hình
017.1	17BS010	Quat tran	Cai			1			PTN Bản đồ số địa hình
017.1	03BS001	Tu dung go 2 buong	Cai	VN	2000	1			PTN Bản đồ số địa hình
017.1	07G174-176	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	3			PTN Bản đồ số địa hình
018	11C196	Ban hop 2,4m	Cai	VN	2011	1			BM Địa chính
018	02G037	Ban hop Bo mon (ban to)	Cai	VN	2002	1			BM Địa chính
018	07C109-110	Bo dam Kenwood TH2AT	Cai	Nhat	2007	2			BM Địa chính
018	07C111-112A	Chan de guong nhôm	Cai	TQ	2007	2			BM Địa chính
018	07C107-108	De guong co doi tam	Cai	Nhat	2007	2			BM Địa chính
018	07G154-158	Ghe gap	Cai	VN	2007	5			BM Địa chính
018	17M026	Máy in đa năng Canon MF221D	Chiếc	DNA	2017	1		0	BM Địa chính
018	05M137	Máy in Laser HP1160	Cai	DNA	2005	1			BM Địa chính
018	08M154	Máy vi tính 17"	Bo	DNA	2008	1		CTMT	BM Địa chính
018	08C468	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1			BM Địa chính
018	07G112	Tu sat 8 ngan	Cai	VN	2007	1			BM Địa chính
018	03BS014	Tu sat kinh dung tai lieu	Cai	VN	2001	1			BM Địa chính
018	07G035	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1			BM Địa chính
018	07G159	Tu tai lieu sat	Cai	VN	2007	1			BM Địa chính
018.1	14M114-116	Bộ nạp pin cho máy Trimble R4	Bộ	Mỹ	2014	3			PTN Công nghệ Địa chính

018.1	14C827-829	Chân máy bằng nhôm cho máy Trim	Bộ	Mỹ	2014	3			PTN Công nghệ Địa chính
018.1	14C830-832	Đế máy có dọi tâm quang học cho m	Bộ	Mỹ	2014	3			PTN Công nghệ Địa chính
018.1	14C1218-1232	Ghế gấp	Cái	VN	2014	15			PTN Công nghệ Địa chính
018.1	98M096	Máy đo diện tích	Cai		1998	1		Cty	PTN Công nghệ Địa chính
018.1	00M245	On ap Lioa	Cai	VN	2000	1			PTN Công nghệ Địa chính
018.1	14M111-113	Pin trong cho máy Trimble R4	Bộ	Mỹ	2014	3			PTN Công nghệ Địa chính
018.1	14C1423	Tủ sắt 2 cánh kính	cái	VN	2014	1			PTN Công nghệ Địa chính

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

Đơn vị sử dụng

Phòng cơ sở vật chất

TT	Tên ký hiệu quy cách cấp hạ	Số hiệu CCLĐN	Nước sx	Năm	Số lượng	
1	Bàn máy chủ HP1400	18C080		2018	1	
2	Ghế xoay HP	18C081		2018	1	
3	Tủ kính HP	18C082		2018	1	
4	Ghế gấp HP	18C083-113		2018	30	
5	Giá sắt 2 khoang	18M004-008		2018	5	Kho tầng 10
6	Máy in canon MF241D	18M016		2018	1	
7	Ghế xoay HP	18C001		2018	1	
8	Ghế gấp HP	18C002-031		2018	30	
9	Tủ kính HP	18C032		2018	1	
10	Bàn máy tính (02 vị trí)	18C032-046		2018	15	
11	Bàn máy chủ HP1400	18C047		2018	1	
12	TP Link TL-SF1048 48-port	18C191		2018	1	Tầng 9
13	Điều hòa sumikura 9000BTU	18M028		2018	1	
14	Máy hút ẩm Fujie 181	18C502		2018	1	
15	Bàn làm việc 1,2m HP	18C450-451		2018	2	
16	Quạt cây vinawin			2019	4	TK 01; ph:2; vpk1

		Tổng kê đến ngày 23/5/2019	
TT	Kho tầng 10		
1		Tủ sắt	2
2		Lioa	1
3		Giá sắt	5
4		Tủ sắt 2 cánh kính	1
5		Máy thuộc dự án	
6	Trắc địa mở	điều hòa	2
7	Trắc địa pt	điều hòa	2
8	Trắc địa ct	điều hòa	2
9	Trắc địa cc	điều hòa	2
10	địa chính	điều hòa	2
11	đo anh vt	điều hòa	2
12	tổ máy	điều hòa	2
13	vpkhoa	điều hòa	6
14	bản đồ	điều hòa	2